



UNITED NATIONS
VIET NAM



© UNICEF/Trương Việt Hùng

KHUYẾN NGHỊ

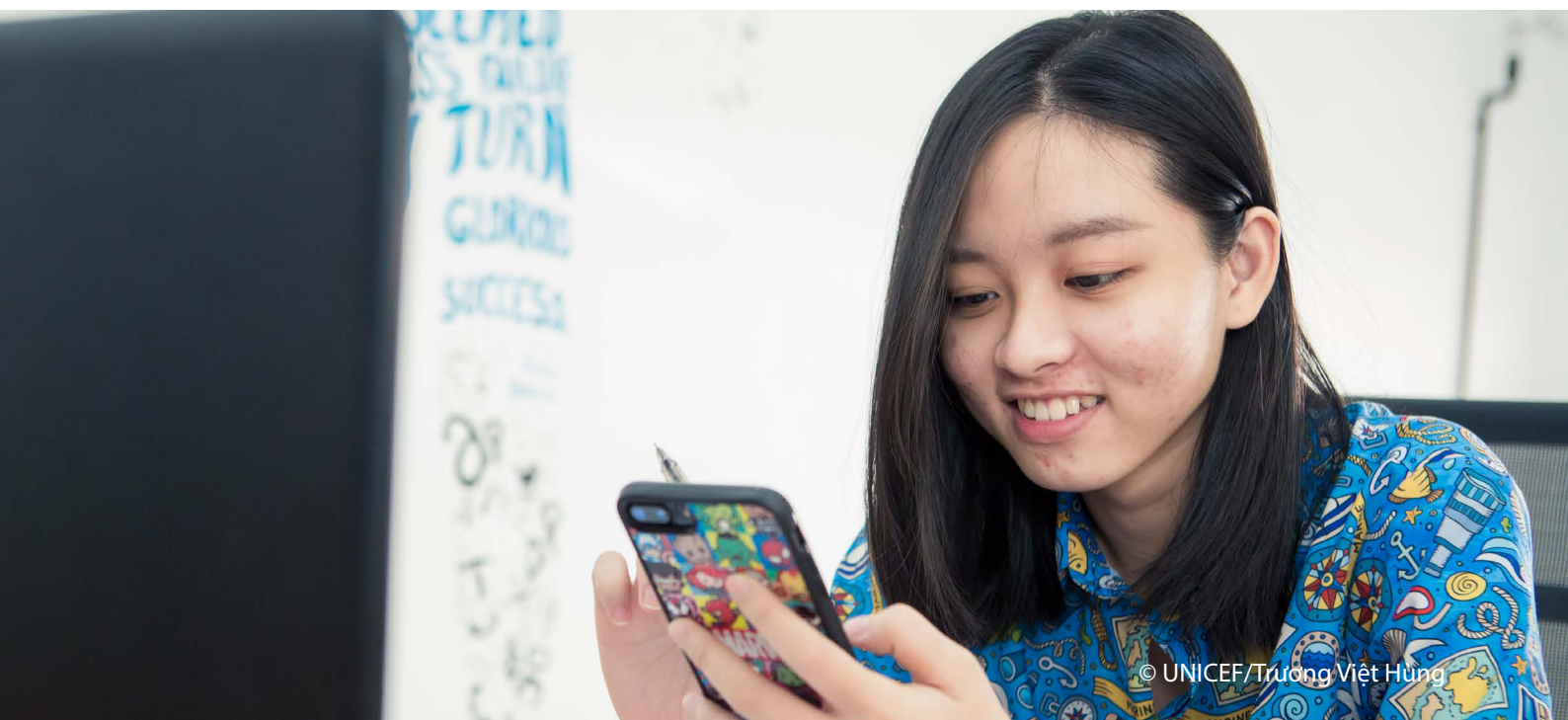
DigitALL: Đổi mới và công nghệ vì bình đẳng giới ở Việt Nam

GIỚI THIỆU

Ngày Quốc tế Phụ nữ 2023 kêu gọi sự quan tâm của mọi người tới khoảng cách số giữa nam giới và phụ nữ, đồng thời kêu gọi chuyển đổi kỹ thuật số toàn diện.¹ Phù hợp với tinh thần của Ngày Quốc tế Phụ nữ, phiên họp thứ 67 của Ủy ban Địa vị Phụ nữ lựa chọn chủ đề ưu tiên là *Đổi mới và thay đổi công nghệ, và giáo dục trong thời đại kỹ thuật số nhằm đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái*.² Điều gì khiến chủ đề này trở nên quan trọng, và ý nghĩa của chủ đề này đối với Việt Nam là gì? Mục đích của bản tài liệu này là nhằm cụ thể hóa vấn đề này ở Việt Nam thông qua một số số liệu sẵn có trong nước.*

Mặc dù cuộc cách mạng kỹ thuật số có tiềm năng to lớn trong cải thiện kết quả kinh tế và xã hội cho tất cả mọi người, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái nhưng nó cũng có nguy cơ củng cố các hình thức phân biệt đối xử và bất bình đẳng đang tồn tại dai dẳng. 37% phụ nữ trên toàn cầu không được tiếp cận đến hoạt động trực tuyến. Việc phụ nữ bị loại trừ khỏi thế giới kỹ thuật số đã tước đi 1 nghìn tỷ USD từ tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các quốc gia có thu nhập thấp và thu nhập trung bình trong thập kỷ qua - khoản thiệt hại này sẽ tăng lên 1,5 nghìn tỷ USD vào năm 2025 nếu chúng ta không hành động.³

*Tài liệu tóm tắt này do Văn phòng Điều phối viên thường trú của LHQ và UN Women tại Việt Nam xây dựng với sự đóng góp của: FAO, ILO, IOM, RCO, UNDP, UNEP, UNFPA, UNICEF và UNESCO. Tháng 2 năm 2023.



© UNICEF/Trương Việt Hùng



© UNDP

TIẾP CẬN KỸ THUẬT SỐ VÀ KỸ NĂNG SỐ

Việt Nam đã đi một chặng đường dài trong cung cấp **tiếp cận công nghệ một cách bình đẳng**, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT và TT). Trên khắp 63 tỉnh, thành cả nước, không thấy có sự khác biệt lớn về giới trong tiếp cận CNTT và TT, tiếp xúc với phương tiện truyền thông, sử dụng điện thoại di động và có các kỹ năng CNTT và TT cơ bản.⁴ 91,1% phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam sử dụng điện thoại di động.⁵ CNTT và TT đã giúp nâng cao khả năng tiếp cận thông tin và các dịch vụ chính phủ điện tử, điều này đặc biệt có tác động lớn đối với phụ nữ và trẻ em gái sống ở các cộng đồng nông thôn, vùng sâu vùng xa. Tuy nhiên, việc sở hữu một thiết bị là rất quan trọng nhưng không đủ để phụ nữ có thể khai thác tiềm năng của công nghệ số hóa.⁶ Tại Việt Nam, có sự khác biệt về kỹ năng số và khả năng tiếp cận công nghệ số tiên tiến giữa nam giới và phụ nữ, trẻ em trai và trẻ em gái.⁷ Ví dụ, trong lĩnh vực nông nghiệp, mặc dù các

giải pháp số ngày càng được triển khai nhiều hơn, nhưng các chuẩn mực giới phổ biến vẫn cản trở phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tư vấn, đào tạo và chuyển giao công nghệ ở nông thôn.

“91.1% phụ nữ và trẻ em gái ở Việt Nam sử dụng điện thoại di động.”

Sự chênh lệch giữa **trẻ em gái và trẻ em trai trong theo đuổi sự nghiệp ở các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học (STEM)** là đặc biệt rõ rệt. Là những động lực đổi mới chính, các lĩnh vực STEM là vườn ươm để tìm ra các giải pháp sáng tạo mới. Nghiên cứu cho thấy rằng **các nhóm làm việc có nhiều thành viên đa dạng thường tạo ra sự đổi mới, sáng tạo.**⁸ Như vậy, sự tham gia bình đẳng của phụ nữ là yếu tố tạo điều kiện

cho sự đổi mới, và đó có thể chính là điều cốt yếu để Việt Nam tiếp tục cạnh tranh trên trường quốc tế.

Các lĩnh vực STEM trên toàn cầu hiện nay chưa đảm bảo giáo dục chất lượng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho trẻ em gái và phụ nữ. Một nghiên cứu từ năm 2019 cho thấy cả giáo viên và học sinh nữ đều vẫn có những **định kiến văn hóa nội tại** về sự phù hợp của họ/học sinh của họ trong việc theo đuổi STEM. Đối với nhiều người, việc tham gia vào STEM thường diễn ra sau khi đã vượt qua **một loạt rào cản về hệ thống, xã hội và văn hóa**. Ví dụ, ở Việt Nam, phụ nữ được cho là người phải chịu **trách nhiệm chính trong việc nuôi dạy con cái và các công việc nội trợ**.⁹ Điều này hạn chế khả năng tiếp cận của phụ nữ với một ngành công nghiệp đang phát triển nhanh và cũng là rào cản đối với phụ nữ trong định hình các công nghệ và đi đầu trong đổi mới, sáng tạo.¹⁰ Đến năm 2050, 75% công việc trên toàn cầu sẽ liên quan đến STEM. Tỷ lệ nữ tốt nghiệp đại học trong lĩnh vực STEM ở Việt Nam hiện nay là 36,5%. Đại học Bách Khoa có hơn 78% sinh viên nam so với 22% sinh viên nữ.¹¹

Với sự chênh lệch giữa nam giới và phụ nữ trong theo đuổi ngành STEM tại Việt Nam, không có gì ngạc nhiên khi **ngành công**

“Đến năm 2050, 75% công việc trên toàn cầu sẽ liên quan đến STEM.”

ng nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ có tỷ lệ mất cân bằng giới lớn nhất trong tất cả các ngành.^{12 13} Theo Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO), tại Việt Nam, phụ nữ chiếm khoảng 37% lực lượng lao động trong ngành công nghiệp này.^{14 15} Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng các công ty có bình đẳng giới hơn sẽ vận hành tốt hơn về tài chính. Đáng chú ý, các tính toán của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) ước tính rằng việc thu hẹp khoảng cách giới có thể làm tăng trung bình 35% GDP của một quốc gia. Tóm lại, lực lượng lao động đa dạng sẽ tạo ra doanh thu.¹⁶ Do đó, sự tham gia của phụ nữ là chìa khóa để mở đường cho sự tăng trưởng kinh tế liên tục của Việt Nam nhằm đạt được mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045,¹⁷ đồng thời đạt được sự bao trùm xã hội lớn hơn phù hợp với Chương trình nghị sự 2030 vì sự Phát triển bền vững, đặc biệt là Mục tiêu Phát triển Bền vững số 5 (SDG5) về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ.



Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022, Việt Nam đã ký tuyên bố chính trị về **Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng**. Diễn đàn Quan hệ đối tác này nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi của Việt Nam sang nền kinh tế xanh và công bằng. Vai trò của chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình chuyển đổi năng lượng là thiết yếu. Để đảm bảo quá trình chuyển đổi năng lượng của Việt Nam mang lại hiệu quả 'công bằng', **sự tham gia của phụ nữ là yếu tố then chốt**.



© UNICEF/Vũ Lê Hoàng

CHÍNH SÁCH SỐ CÓ TRÁCH NHIỆM GIỚI

Tại Việt Nam, với **Chương trình chuyển đổi số quốc gia** đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 749/QĐ-TTg), Chính phủ đã xây dựng một hành trình số hóa tham vọng.¹⁸ Nhu cầu chuyển đổi số được xác định trên các lĩnh vực xã hội và kinh tế và được coi là một phương tiện để tăng năng suất, kích thích đổi mới, sáng tạo và đảm bảo rằng Việt Nam có thể tiếp tục cạnh tranh trên trường quốc tế.¹⁹ Hướng tới tương lai và hướng tới tham vọng trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2045 của Việt Nam, hành trình chuyển đổi số cần phải bao gồm tất cả các công dân với tư cách là những người đóng góp tích cực.

Để đạt được điều này, các chính sách về chuyển đổi số và đổi mới có trách nhiệm giới là vô cùng thiết yếu. Ở Việt Nam, **Luật Bình đẳng giới năm 2006, Điều 15**, quy định nam, nữ bình đẳng trong tiếp cận

khoa học và công nghệ, cũng như đào tạo về khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, ba văn kiện chính sách quan trọng về chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo là **Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đến năm 2030 (2020); Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (2020); và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025** lại chưa có nhạy cảm về giới. Điều này có nghĩa là các vấn đề liên quan đến giới trong đổi mới và công nghệ không được ghi nhận và giải quyết.²⁰ Để hiểu rõ hơn những chính sách này ảnh hưởng đến nam giới và phụ nữ như thế nào, và giải quyết các vấn đề này, thì tối thiểu cần có dữ liệu phân tách theo giới tính.



© UN Women/Phạm Quốc Hưng

NỀN KINH TẾ SỐ

Ngày nay, số hóa đã thâm nhập vào hầu hết các lĩnh vực chính của nền kinh tế trên toàn thế giới.²¹ Tại Việt Nam, nền kinh tế số chiếm khoảng 14,26% tổng GDP vào năm 2022, với mức tăng trưởng hàng năm ước tính là 8,9% trong giai đoạn 2022-2026. Tuy nhiên, **trong nền kinh tế kỹ thuật số, phụ nữ ít có cơ hội tham gia và đóng góp đầy đủ hơn so với nam giới.**²²

Đổi mới công nghệ và kỹ thuật số có thể đồng thời tạo ra, loại bỏ và chuyển đổi các công việc, tất cả đều diễn ra song song.²³ Khi CMCN 4.0 được triển khai, **các tiến bộ về tự động hóa và công nghệ được dự báo sẽ khiến nhu cầu về lao động phổ thông và lao động tay nghề thấp sẽ giảm đi nhanh chóng.** Gần 80% phụ nữ trong độ tuổi lao động ở Việt Nam có tay nghề thấp hoặc không có tay nghề. Có tới 86% lao động trong ngành dệt may và da giày của Việt Nam có nguy cơ mất việc làm trong vòng 15 năm tới.²⁴ Trong bối cảnh đó, lao động nữ di cư là một trong những đối tượng chịu tác động

mạnh nhất của CMCN 4.0 do chiếm tỷ trọng lớn trong lực lượng lao động trình độ thấp.^{25 26} Nâng cao kỹ năng và đào tạo lại những người lao động này sẽ tạo điều kiện cho họ tiếp tục đóng vai trò tích cực trong nền kinh tế.

Thương mại điện tử mở ra những hướng đi mới cho nữ doanh nhân và doanh nghiệp do nữ lãnh đạo để tiếp cận thị trường mới và thu được nhiều lợi nhuận hơn. Theo Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam, doanh nghiệp do phụ nữ lãnh đạo chiếm 24% trong tổng số các doanh nghiệp. Tiếp cận tài chính và tín dụng, yếu tố thúc đẩy quan trọng trong chuyển giao công nghệ, vẫn là một thách thức đối với phụ nữ. Việc thiếu các dịch vụ tài chính có thể chi trả là một vấn đề đối với hầu hết các hộ sản xuất nhỏ, nhưng lại mang tính chất đặc biệt quan trọng đối với phụ nữ vì họ thường thiếu tài sản thế chấp nhằm tiếp cận được các khoản vay (ví dụ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).²⁷



Các thuật ngữ chính

Mù giới (hoặc chưa có nhạy cảm về giới)

Không tính đến các vai trò, trách nhiệm và nhu cầu khác nhau của nam giới/trẻ em trai và phụ nữ/trẻ em gái trong các bối cảnh cụ thể.

Những bất bình đẳng hiện có về chuẩn mực, vai trò và quan hệ giới không thay đổi.

Có trách nhiệm giới

Những xem xét về giới được cân nhắc có chủ ý trong thiết kế, triển khai và kết quả của các chương trình và chính sách phát triển.

Thực tế và nhu cầu đa dạng của tất cả các giới tính được tính đến. Trẻ em gái và phụ nữ được trao quyền. Mọi quan hệ giới có sự công bằng hơn.

Chuyển đổi mối quan hệ giới

Bình đẳng giới được xem là trọng tâm để đạt được những kết quả phát triển tích cực.

Mối quan hệ bất bình đẳng về giới được chuyển đổi để thúc đẩy chia sẻ quyền lực, kiểm soát tài nguyên, ra quyết định và hỗ trợ trao quyền cho phụ nữ.

Kết quả là phụ nữ/bé gái và nam giới/bé trai có các điều kiện, sự đối xử và cơ hội bình đẳng để phát huy hết tiềm năng, nhân quyền và phẩm giá của mình.

Dựa trên Bảng chú giải Thuật ngữ và Khái niệm - Văn phòng Khu vực Nam Á của UNICEF



Nông nghiệp mang tính chuyển đổi mối quan hệ giới

Một loạt các giải pháp kỹ thuật số đang nổi lên trong lĩnh vực nông nghiệp ở Việt Nam. Trong khi các công nghệ tiên tiến chủ yếu được áp dụng trong canh tác quy mô lớn thì chính phủ cũng đang hỗ trợ các hộ sản xuất nhỏ trong tiếp cận các giải pháp số.²⁸ Theo truyền thống, nam giới thường được hưởng lợi nhiều nhất từ chuyển giao công nghệ và kỹ thuật nông nghiệp đổi mới, vì những công nghệ này hay tập trung vào các công việc thường do nam giới thực hiện như làm đất, thu hoạch, sau thu hoạch và vận chuyển.²⁹ Đồng thời, nữ nông dân chủ yếu tham gia vào các loại hình sản xuất truyền thống.³⁰ Những công nghệ này – từ những công cụ đơn giản nhất đến những giải pháp kỹ thuật số phức tạp hơn – cần được thiết kế theo hướng mang tính chuyển đổi mối quan hệ giới, để không chỉ giảm bớt gánh nặng công việc đồng áng của phụ nữ nông thôn mà còn hỗ trợ trách nhiệm gia đình của họ.³¹



BẠO LỰC TRÊN MÔI TRƯỜNG MẠNG

Việt Nam có 86% dân số tham gia hoạt động trực tuyến.³² Khi càng có nhiều người tham gia các hoạt động trực tuyến thì càng có nhiều người hơn gặp nguy cơ bạo lực trên mạng. Bạo lực trên mạng là “... bất kỳ hành vi nào gây tổn hại hoặc ảnh hưởng bất cân xứng đến một người do giới của họ mà hành vi đó được thực hiện, hỗ trợ, làm trầm trọng thêm do việc sử dụng CNTT-TT hoặc các công cụ kỹ thuật số khác”.³³ Kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát, bạo lực trên mạng đã gia tăng trên toàn thế giới. Nguy cơ bạo lực trên mạng cao hơn đối với phụ nữ và trẻ em gái so với nam giới và trẻ em trai.³⁴ 38% phụ nữ hoạt động trực tuyến đã từng bị bạo lực trên mạng. Nhìn chung, còn thiếu dữ liệu về xu hướng toàn cầu này tại Việt Nam và bạo lực trực tuyến, bao gồm bạo lực trực tuyến trên cơ sở giới, vẫn là một chủ đề còn khá mới. Tình trạng bạo lực được hỗ trợ bởi công nghệ mà không bị trừng phạt vẫn

còn rất lớn trên toàn thế giới.³⁵ Ở Việt Nam, trong khi các chiến lược và chương trình liên quan³⁶ cũng đề cập đến tầm quan trọng của môi trường số an toàn và lành mạnh thì vấn đề bạo lực trên cơ sở giới trực tuyến vẫn chưa được giải quyết.³⁷

Bạo lực trên mạng là “... bất kỳ hành vi nào gây tổn hại hoặc ảnh hưởng bất cân xứng đến một người do giới của họ mà hành vi đó được thực hiện, hỗ trợ, làm trầm trọng thêm do việc sử dụng CNTT-TT.”



Bạo lực trên mạng đối với trẻ em

Tại Việt Nam, có tới 70% trẻ em tiếp xúc với các nội dung độc hại và phản cảm. 75% trẻ em gặp phải những cảm xúc tiêu cực (tức giận, buồn bã, sốc hoặc sợ hãi) khi tiếp xúc với nội dung phản cảm; 80% trẻ em từng gặp phải các cảnh bạo lực và bắt nạt trên mạng; và 20% trẻ em từng là nạn nhân của hành vi bắt nạt và bạo lực trên mạng.³⁸

Ngoài việc đe dọa đến sức khỏe tinh thần và thể chất, sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ và trẻ em gái cũng có thể **hạn chế sự tham gia của họ với tư cách là những công dân tích cực trên mạng**. Điều này đặc biệt đúng đối với phụ nữ đa bản dạng (ví dụ: cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới, giới tính chưa xác định, liên giới tính (LBTQI), phụ nữ và trẻ em gái dân tộc thiểu số).³⁹ Nguy cơ bạo lực trực tuyến có thể làm cho phụ nữ không muốn sử dụng các dịch vụ trực tuyến, điều này gây ra những hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khi các dịch vụ xã hội được số hóa.⁴⁰ Tương tự, điều này có nguy cơ dẫn đến tình trạng tự kiểm duyệt.⁴¹

Có dấu hiệu cho thấy **các không gian trực tuyến ngày càng được sử dụng nhiều hơn cho mục đích mua bán người**.⁴² Việc

khan hiếm cơ hội chính thống, quy trình tuyển dụng phức tạp trong khu vực chính quy, thiếu khả năng tiếp cận thông tin đầy đủ và đáng tin cậy, hiểu biết hạn chế về di cư an toàn và mua bán người là những yếu tố chính khiến người dân chọn bên môi giới và đối tượng trung gian để theo đuổi con đường di cư bất hợp pháp.⁴³ Những yếu tố này, càng trở nên trầm trọng hơn do **thị trường việc làm trở nên biến động hơn đối với lực lượng lao động có trình độ thấp hoặc không có kỹ năng**, đẩy nhiều người vào con đường áp dụng các biện pháp liều lĩnh – chẳng hạn như chấp nhận lời mời làm việc trực tuyến mà không có đầy đủ thông tin cơ bản. Phụ nữ, đặc biệt là phụ nữ trẻ và trẻ em gái, vẫn là mục tiêu chính của những kẻ mua bán người quốc tế.





© UNICEF/Trương Việt Hùng

KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

- **Lồng ghép các quan điểm về giới trong các chính sách số quốc gia**, và trong những sửa đổi trong tương lai đối với các chính sách này, chẳng hạn như Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đến năm 2030 (2020); Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (2020); và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025, đồng thời đưa vào các chỉ số và chỉ tiêu cụ thể về giới, có giới hạn thời gian, đồng thời phân bổ nguồn lực để có thể triển khai đầy đủ.
- **Tăng cường và thúc đẩy giáo dục có chất lượng cho phụ nữ và trẻ em gái trong suốt cuộc đời và ở tất cả các cấp**, bao gồm kiến thức số, để giải quyết khoảng cách giới thông qua đảm bảo rằng phụ nữ và trẻ em gái được tiếp cận bình đẳng với đào tạo kỹ năng lãnh đạo, phát triển nghề nghiệp, học bổng, học bổng ngắn hạn và đào tạo nghề, đặc biệt là trong các lĩnh vực STEM và giáo dục kỹ thuật; và giải quyết các chuẩn mực xã hội tiêu cực cũng như khuôn mẫu giới trong hệ thống giáo dục.
- **Dự đoán và dự báo nhu cầu công việc và kỹ năng trong tương lai để giảm thiểu các tác động bất lợi, mang yếu tố giới của số hóa và tự động hóa**, đồng thời điều chỉnh chương trình giáo dục và dạy nghề, các chương trình đào tạo lại và nâng cao kỹ năng để tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ chuyển đổi sang nghề nghiệp và công việc mới, đặc biệt đối với những người có nguy cơ bị thay thế bởi quá trình tự động hóa, ví dụ như lao động di cư.
- **Đẩy mạnh thu thập dữ liệu để hiểu rõ hơn tất cả các khía cạnh của vấn đề giới, đổi mới và công nghệ, đồng thời giải quyết bạo lực trực tuyến trên cơ sở giới**, thông qua phân tích theo giới tính, độ tuổi, tình trạng khuyết tật, dân tộc và vị trí địa lý. Sử dụng dữ liệu

này để cung cấp thông tin cho việc lập ngân sách công có trách nhiệm giới (GRB) nhằm nâng cao hiệu quả của các nguồn lực công trong lĩnh vực này.

- **Đưa nội dung phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới trực tuyến** vào Chương trình phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 2232/QĐ-TTg) và vào Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đến năm 2030 (2020); Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (2020); và Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025.



© UN in Viet Nam/Hồ Anh Tiên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. United Nations, 2023. <https://www.un.org/en/observances/womens-day>.
2. The Commission on the Status of Women (CSW67), takes place 6 to 17 March 2023, at the UN Headquarters in New York City. [https://www.unwomen.org/en/csw#:~:text=The%20Commission%20on%20the%20Status,II\)%%20of%2021%20June%201946](https://www.unwomen.org/en/csw#:~:text=The%20Commission%20on%20the%20Status,II)%%20of%2021%20June%201946).
3. UN Women, 2022. https://www.unwomen.org/sites/default/files/2022-09/Progress-on-the-sustainable-development-goals-the-gender-snapshot-2022-en_0.pdf.
4. UNICEF, Viet Nam SDGCW Survey 2020-2021. <https://www.unicef.org/vietnam/media/8696/file/Mass%20media%20&%20ICT.pdf>.
5. WPS Index 2021-2022, page 85. <https://giwps.georgetown.edu/wp-content/uploads/2021/11/WPS-Index-2021.pdf>.
6. Commission on the Status of Women Sixty-seventh session 6–17 March 2023 Item 3 (a) of the provisional agenda*, entitled “Women 2000: gender equality, development and peace for the twenty-first century”: implementation of strategic objectives and action in critical areas of concern and further actions and initiatives.
7. FAO, the World Bank, Alliance of Bioversity International and CIAT, CGIAR, 2021, Digital Agriculture Profile, Viet Nam. <https://www.fao.org/documents/card/en/c/CB3956EN>.
8. International Monetary Fund (IMF), 2018. <https://www.imf.org/en/Blogs/Articles/2018/11/28/blog-economic-gains-from-gender-inclusion-even-greater-than-you-thought>.
9. 2021. “Sinh Viên Nữ Trong Khối Ngành Stem Trên Thế Giới và Việt Nam - Thực Trạng và Bài Học.” Tạp Chí Công Thương. September 17, 2021. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/sinh-vien-nu-trong-khoi-nganh-stem-tren-the-gioi-va-viet-nam-thuc-trang-va-bai-hoc-83675.htm>.
10. Commission on the Status of Women Sixty-seventh session 6–17 March 2023 Item 3 (a) of the provisional agenda*, entitled “Women 2000: gender equality, development and peace for the twenty-first century”: implementation of strategic objectives and action in critical areas of concern and further actions and initiatives, p. 6.
11. 2021. “Sinh Viên Nữ Trong Khối Ngành Stem Trên Thế Giới và Việt Nam - Thực Trạng và Bài Học.” Tạp Chí Công Thương. September 17, 2021. <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/sinh-vien-nu-trong-khoi-nganh-stem-tren-the-gioi-va-viet-nam-thuc-trang-va-bai-hoc-83675.htm>.
12. ONLINE, TUOI TRE. 2022. “Ngành Công Nghệ Thông Tin ‘Khát’ Nhân Lực Nữ.” TUOI TRE ONLINE. August 15, 2022. <https://tuoitre.vn/nganh-cong-nghe-thong-tin-khat-nhan-luc-nu-20220815132455884.htm>.
13. “Women Levelling the Playing Field in Tech.” 2022. En.vcci.com.vn. June 4, 2022. <https://en.vcci.com.vn/women-levelling-the-playing-field-in-tech>.
14. UNWOMEN, 2021. Country Gender Equality Profile – Viet Nam.
15. “Vietnamese Women Are Increasingly Well Prepared for Decision-Making Roles in Businesses.” 2020. ILO. November 17, 2020. <https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/>

[Pressreleases/WCMS_761182/lang--en/index.htm](https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-digital-transformation-plan-through-2025.html).

16. <https://www.forbes.com/sites/forbestechcouncil/2020/03/10/top-three-reasons-we-need-more-women-in-tech/?sh=6398973a15fb>.

17. <https://www.imf.org/en/Blogs/Articles/2018/11/28/blog-economic-gains-from-gender-inclusion-even-greater-than-you-thought>.

18. National Programme on digital transformation until 2025 (Decision 749/QĐ-TTg).

19. "Vietnam's Digital Transformation Plan through 2025." Vietnam Briefing News, September 16, 2021. <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-digital-transformation-plan-through-2025.html/>.

20. Government of Viet Nam, National Digital Transformation Program to 2025.

21. ILO (2021), World Employment and Social Outlook 2021: The Role of Digital Platforms in Transforming the World of Work, Geneva: ILO. https://www.ilo.org/global/research/global-reports/weso/2021/WCMS_771749/lang--en/index.htm.

22. VietnamPlus. 2023. "Vietnam Records Best-Ever Performance in Digital Economic Development | Sci-Tech | Vietnam+ (VietnamPlus)." VietnamPlus. January 2, 2023. <https://en.vietnamplus.vn/vietnam-records-beste-er-performance-in-digital-economic-development/246382.vnp>.

23. Commission on the Status of Women Sixty-seventh session 6–17 March 2023 Item 3 (a) of the provisional agenda*, entitled "Women 2000: gender equality, development and peace for the twenty-first century": implementation of strategic objectives and action in critical areas of concern and further actions and initiatives, p. 9.

24. Tri, Minh Nguyen, Research in World Economy, "Impact of Industrial Revolution 4.0 on the Labour

market in Viet Nam, DOI: 10.5430/rwe.v12n1p94.

25. The future of work across ASEAN, 2020, the Asian Foundation in partnership with Microsoft. https://asiafoundation.org/wp-content/uploads/2020/02/The-Future-of-Work-Across-ASEAN_full.pdf.

26. GSO, QIV 2022, unemployment rate amongst working age population is on the rise due to reduction in production and manufacturing orders in apparel sector.

27. UNWOMEN, 2021. Country Gender Equality Profile – Viet Nam.

28. FAO, the World Bank, Alliance of Bioversity International and CIAT, CGIAR, 2021, Digital Agriculture Profile, Viet Nam. <https://www.fao.org/documents/card/en/c/CB3956EN>.

29. FAO. 2019. Country gender assessment of agriculture and the rural sector in Viet Nam. Ha Noi. <https://www.fao.org/publications/card/en/c/CA6503EN/>.

30. Ibid.

31. FAO. 2020. FAO Policy on Gender Equality 2020–2030. Rome. <https://www.fao.org/3/cb1583en/cb1583en.pdf>.

32. <https://www.internetworldstats.com/stats3.htm.2023>.

33. Commission on the Status of Women, Sixty-seventh session, Innovation and technological change, and education in the digital age for achieving gender equality and the empowerment of all women and girls, p. 12.

34. OHCHR (2018). Report of the Special Rapporteur on violence against women, its causes and consequences on online violence against women and girls from a human rights perspective. Available at <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Women/SRWomen/>

[Pages/SRWomenIndex.aspx](#).

35. Ibid.

36. Notably, the Law on Gender Equality 2006, Article 15, the National Strategy on Industry 4.0 to 2030 (2020); the National Digital Transformation Program to 2025, with a vision to 2030 (2020); and Business Support Program for Digital Transformation in 2021-2025.

37. Ibid.

38. Dao Thi Sam, Viet Nam Women's Academy, Paper on Project Children from harm from the digital spaces, 2021 (page 38) https://drive.google.com/drive/folders/13ICwdts_bv2VYOvfg4hCrWZSgXAV4IcE.

39. United Nations Population Fund, Making all Spaces Safe (New York, 2021). <https://www.unfpa.org/publications/technology-facilitated-gender-based-violence-making-all-spaces-safe>.

40. "Cities for Global Health | Cities for Global Health." n.d. www.citiesforglobalhealth.org. Accessed February 21, 2023. <https://www.citiesforglobalhealth.org/>.

ĐỌC THÊM

1. Commission on the Status of Women Sixty-seventh session Expert Group Meeting, 2022. <https://www.unwomen.org/en/csw/csw67-2023/preparations/expert-group-meeting>.

41. Commission on the Status of Women Sixty-seventh session 6–17 March 2023 Item 3 (a) of the provisional agenda*, entitled "Women 2000: gender equality, development and peace for the twenty-first century": implementation of strategic objectives and action in critical areas of concern and further actions and initiatives, p. 12.

42. "Online and Technology-Facilitated Trafficking in Human Beings Full Report G R E T a Group of Experts on Action against Trafficking in Human Beings." n.d. <https://rm.coe.int/online-and-technology-facilitated-trafficking-in-human-beings-full-rep/1680a73e49>.

43. UNODC, Global Report on Trafficking in Persons 2020 (United Nations publication, Sales No. E.20.IV.3.), https://www.unodc.org/documents/data-and-analysis/tip/2021/GLOTIP_2020_15jan_web.pdf.

2. United Nations Secretary-General, 2022. Report of the Secretary-General on the Commission on the Status of Women Sixty-seventh session: Innovation and technological change, and education in the digital age for achieving gender equality and the empowerment of all women and girls. <https://undocs.org/Home/Mobile?FinalSymbol=E%2FCN.6%2F2023%2F3&Language=E&DeviceType=Desktop&LangRequested=False>.



**UNITED NATIONS
VIET NAM**



Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Amanda Mindus

Cán bộ Điều phối và Phát triển xã hội, Văn phòng Điều phối viên Thường trú của Liên hợp quốc tại Việt Nam

Email: amanda.mindus@un.org

Trần Thị Thúy Anh

Cán bộ Chương trình, UN Women Việt Nam

Email: thuyanh.tran@unwomen.org